

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 603/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – TP HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh Tâm
2. Bà Đinh Thị Diễm Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý sơ thẩm số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2018 về việc tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: 34 đường số x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: 34 đường số x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Ngô Văn H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2002 có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 12/7/2002 tại Ủy ban nhân dân phường phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H không tôn trọng vợ và gia đình bên vợ, thường xuyên đánh đập vợ và các con, không chăm lo cho gia đình; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay; vì vậy chị N xác định tình cảm với anh H không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Tên Ngô Duy T, sinh ngày 27/7/2003 và Ngô An K, sinh ngày 14/11/2011; sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi người con chung cho đến khi lần lượt từng người con chung đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn anh Ngô Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt khi Tòa án triệu tập đến tòa để trình bày ý kiến cũng như tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tuy nhiên ngày 08/4/2019 anh H đến Tòa án có bản tự khai trình bày: Anh H không đồng ý ly hôn với chị N với những lý do đó là, hai vợ chồng có mâu thuẫn cãi nhau, nhưng vợ chồng vẫn có thể tự giải quyết được, thời gian hai năm gần đây anh H phải đi làm thêm, mục đích chỉ để nuôi con; về tài sản anh H không yêu cầu gì; chị N yêu cầu được nuôi hai người con chung anh H không có ý kiến gì; nếu chị N yêu cầu ly hôn thì anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định; bị đơn không chấp hành tốt các quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N; đồng thời đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng của chị N đối với anh H, do tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 12/7/2002; giấy khai sinh tên Ngô Duy T, sinh ngày 27/7/2003, Ngô An K, sinh ngày 14/11/2011; hộ khẩu, căn cước nhân dân của chị N, anh H; phiếu xác minh ngày 26/02/2018, phiếu xác minh ngày 15/11/2018, phiếu xác minh ngày 12/3/2019 và công văn số 90/VHTT ngày 25/6/2018 của Phòng Văn hóa và Thông tin quận Thủ Đức.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Hôn nhân của chị N và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; chị N và anh H có 02 con chung tên Ngô Duy T, sinh ngày 27/7/2003 và Ngô An K, sinh ngày 14/11/2011.

Các nội dung đương sự thống nhất được và không thống nhất được: Do anh H vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn anh Ngô Văn H có hộ khẩu thường trú tại 34 đường số x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nên thẩm quyền giải quyết vụ án Hôn nhân và Gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2017; chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn H, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn; là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn anh Ngô Văn H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án triệu tập anh H đến tòa để giải quyết việc kiện của chị N, đồng thời triệu tập anh H đến tòa để tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến; tuy nhiên ngày 08/4/2019 anh H đến Tòa và làm bản tự khai. Tòa án tiếp tục triệu tập anh H đến tòa để tham gia phiên tòa xét xử vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 18/5/2019 nhưng anh H không đến tòa tham gia xét xử vụ án. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay (04/6/2019), nhưng anh H vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227, Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Ngô Văn H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn được chị N và anh H cùng thừa nhận có mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương được biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N với anh H là do bất đồng quan điểm sống. Tại bản tự khai ngày 08/4/2019 anh H không muốn ly hôn, nhưng không đưa ra được phương án đoàn tụ gia đình có khả thi, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc; vì vậy yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Tên Ngô Duy T, sinh ngày 27/7/2003 và Ngô An K, sinh ngày 14/11/2011; chị N yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại biên bản lấy ý kiến của 02 người con chung, đều có nguyện vọng được ở với mẹ là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị N rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng của chị N đối với anh H.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng chị N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Ngô Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) người con chung tên Ngô Duy T, sinh ngày 27/7/2003 và Ngô An K, sinh ngày 14/11/2011 cho chị N trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N về việc yêu cầu anh Ngô Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị N phải chịu phải chịu, được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0038076 ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Nguyễn Thị Hồng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Ngô Văn H có quyền cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

7. Quyền yêu cầu thi hành án: “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Các đương sự (2)
- Ủy ban nhân dân phường H, (1)
- quận T; (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tình